

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2021/HS-ST
Ngày: 10-5-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Triệu Quốc Hiếu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hồng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Trúc** – Thư ký TAND huyện Vũng Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Lê Thành Vũ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07, 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2021/TLST-HS, ngày 18 tháng 3 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. **Văn Thị M**, sinh năm 1967; giới tính: Nữ; nơi cư trú: ấp 2, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Văn Trung S (chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1945; chồng Lê Văn P, sinh năm 1968; con có 02 người lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Thị Đ**, sinh năm 1984; giới tính: Nữ; nơi cư trú: ấp 2, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Phát T, sinh năm 1939 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1945; con có 02 người, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2009; anh chị ruột có 06 người, lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất sinh năm 1982; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

3. **Lê Thị Thúy H**, sinh năm 1996; giới tính: Nữ; nơi cư trú: ấp V, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: buôn bán; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Văn H, sinh năm 1973

và bà Lê Thị Mỹ M, sinh năm 1975; chồng Trần Thanh D, sinh năm 1990; con có 01 người sinh năm 2016; em ruột có 02 người, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

4. **Lê Thị Mỹ M**, sinh năm 1975; giới tính: Nữ; nơi cư trú: ấp 2, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Văn S (chết) và bà Trần Thị U, sinh năm 1934; chồng Lê Văn H, sinh năm 1973; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2009; anh chị ruột có 06 người, lớn nhất sinh năm 1956, nhỏ nhất sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

5. **Lê Thị Bích T**, sinh năm 2001; giới tính: Nữ; nơi cư trú: ấp 2, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: học viên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Văn P, sinh năm 1968 và bà Văn Thị M, sinh năm 1967; chị ruột 01 người sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Võ Hồng T, sinh năm 1981 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp P, xã Q, huyện V, Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Thị T, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp P, xã Q, huyện V, Vĩnh Long.

2. Võ Thị Hà X, sinh năm 1991 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp N, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:*

1. Ngô Văn T, sinh năm 1968 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp P, xã Q, huyện V, Vĩnh Long.

2. Lê Văn P, sinh năm 1968 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp 2, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Phan Huy B, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp V, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 01 năm 2020, Văn Thị M có tham gia 03 dây hội tháng, mỗi dây 5.000.000đ do Võ Hồng T làm đầu thảo hội mở. Đến tháng 4 năm 2020, T tuyên bố vỡ hội và còn nợ lại M 04 tháng tiền hội đã đóng là 39.720.000đ. Sau khi vỡ

hụi, T gặp và thương lượng với M xin trả hàng tháng cho M số tiền là 4.500.000đ cho đến khi hết số tiền còn nợ, nhưng sau đó T chỉ trả được cho M 03 lần với số tiền là 8.000.000đ thì không trả tiếp. M đã đến nhà T tìm T nhiều lần nhưng đều không gặp được T.

Khoảng 13 giờ ngày 18/10/2020, Lê Văn P (chồng của Văn Thị M) chở M, cùng với Lê Thị Đ, Lê Thị Bích T, Lê Thị Thúy H, Lê Thị Mỹ M đi đến nhà của Võ Hồng T để đòi tiền nợ hụi. Khi gặp T, M hỏi T khi nào trả tiền nợ hụi, thì T trả lời chưa có tiền từ từ sẽ trả. Trong lúc M và T đang nói chuyện, thì có anh Phan Huy B đến gặp T và đưa cho T số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và nói với T là đóng hụi chết dùm cho em của anh B. T nhận tiền và bỏ vào túi quần đang mặc. Khi đó M nói với T có tiền thì trả nợ luôn đi, T trả lời chiều trả rồi đi đến xe mô tô biển số 64D1-338.27 của T đang dựng trong nhà, dùng chìa khóa xe mở cốp và bỏ số tiền anh B đưa vào trong cốp rồi đóng cốp xe lại và quay đầu xe ra hướng đường tỉnh 902. M và Lê Thị Đ sợ T điều khiển xe bỏ đi, nên chạy lại chụp vào tay cầm chìa khóa của T rồi dùng tay đẩy ngón tay của Thủy ra để lấy chìa khóa, nhưng T giật tay lại; lúc này M, H và T nhìn thấy nên đi đến nắm áp T và giằng co với T. Ông Lê Văn P thấy vậy nên bỏ đi ra ngoài. Được khoảng 05 phút, T la lên: “Buông tay ra đi để tôi lấy tiền trả”. Khi M, Đ, H, T, M buông T ra, thì T không lấy tiền như đã nói, mà ngồi lên xe mô tô biển số 64D1-338.27 và chuẩn bị chạy đi. M, Đ, H, T, M đứng chặn phía trước xe và kéo T lại. Trong lúc giằng co, Đ đi đến xe mô tô biển số 64D1-338.27 và dùng tay phải nâng yên xe lên, đưa tay trái vào trong cốp xe lấy được cọc tiền (là cọc tiền anh Phan Huy B đưa cho T). Khi lấy ra thì cọc tiền rơi xuống đất, H đến nhặt cọc tiền đưa cho Đ, Đ lấy cọc tiền bỏ vào túi áo khoác đang mặc và nói với M là lấy được tiền rồi. M, M1, T liền buông T ra và đi về nhà M. Kiểm tra số tiền sau khi lấy được là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), M đưa cho Tuyền số tiền 2.000.000đ để mua đồ dùng trong nhà, số tiền còn lại M cất giữ.

Sau khi sự việc xảy ra, Võ Hồng T đã trình báo cơ quan công an. Văn Thị M, Lê Thị Đ, Lê Thị Bích T, Lê Thị Thúy H, Lê Thị Mỹ M đã thừa nhận toàn bộ hành vi. Riêng M đã nộp lại số tiền 15.000.000đ.

Qua điều tra, Võ Hồng T trình bày ngoài số tiền 15.000.000đ nêu trên, Văn Thị M, Lê Thị Đ, Lê Thị Bích T, Lê Thị Thúy H, Lê Thị Mỹ M còn lấy số tiền 10.000.000đ của Võ Thị Hà X và 30.000.000đ của Nguyễn Thị T gửi cho T và T đã để trong cốp xe. Tuy nhiên, cơ quan điều tra kết luận không đủ chứng cứ để chứng minh.

Đối với ông Lê Văn P khi sự việc xảy ra, ông không có mặt nên không biết Văn Thị M, Lê Thị Đ, Lê Thị Bích T, Lê Thị Thúy H, Lê Thị Mỹ M đã thực hiện hành vi phạm tội, nên cơ quan điều tra không xử lý.

Cáo trạng số: 15/CT-VKSHVL ngày 17/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm đã truy tố Văn Thị M, Lê Thị Đ, Lê Thị Bích T, Lê Thị Thúy H, Lê Thị Mỹ M về tội: Cướp tài sản; theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với Văn Thị M, Lê Thị Đ, Lê Thị Bích T, Lê Thị Thúy H, Lê Thị Mỹ M; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự tuyên phạt đối với Văn Thị M mức án từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

- Khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự tuyên phạt đối với Lê Thị Đ mức án từ 09 tháng tù đến 01 năm tù.

- Khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự tuyên phạt đối với Lê Thị Bích T mức án từ 03 tháng tù đến 06 tháng tù.

- Khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 65; của Bộ luật Hình sự tuyên phạt đối với Lê Thị Thúy H mức án 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

- Khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự tuyên phạt đối với Lê Thị Mỹ M mức án từ 03 tháng tù đến 06 tháng tù.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận bồi thường xong và không còn yêu cầu gì thêm, nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng: Hoàn trả lại cho bị cáo Màu số tiền 15.000.000đ mà bị cáo Màu tự nguyện nộp tại cơ quan thi hành án.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Văn Thị M, Lê Thị Đ, Lê Thị Bích T, Lê Thị Thúy H, Lê Thị Mỹ M đã thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, lời khai của những người làm chứng,...; các bị cáo xác định không khiếu nại đối với quá trình tiến hành tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của điều tra viên, kiểm sát viên và lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung hay dùng nhục hình. Do đó, hành vi và các chứng cứ, tài liệu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, qua lời khai của các bị cáo đã thể hiện: Do bị hại Võ Hồng T còn nợ tiền hui với số tiền là 39.720.000đ của bị cáo Văn Thị M, bị cáo M đã nhiều lần yêu cầu bị hại T trả tiền nhưng bị hại T đã trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên khoảng 13 giờ ngày 18/10/2020, Văn Thị M đã cùng Lê Thị Đ, Lê Thị Bích T, Lê Thị Thúy H, Lê Thị Mỹ M đến nhà của Võ Hồng T để đòi lại số tiền hui mà T còn nợ. Tại đây, khi T nhận được số tiền là 15.000.000đ do anh Phan Huy B trả nợ tiền hui chết cho em của anh B, T đã để tiền vào cốp xe mô tô biển số 64D1-338.27 của T. Bị cáo M đã yêu cầu T trả nợ, nhưng T đã không trả và quay đầu xe dẫn đi ra với ý định lên xe chạy đi, nên bị cáo M cùng các bị cáo Lê Thị Đ, Lê Thị Bích T, Lê Thị Thúy H, Lê Thị Mỹ M đã ôm giữ T lại, bị cáo Đ đã dùng tay phải nâng yên xe mô tô biển số 64D1-338.27 lên, đưa tay trái vào trong cốp xe lấy được cọc tiền (là cọc tiền anh Phan Huy B đưa cho T). Sau khi lấy được tiền bị cáo M cùng các bị cáo khác đã bỏ đi về. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Văn Thị M, Lê Thị Đ, Lê Thị Bích T, Lê Thị Thúy H, Lê Thị Mỹ M đã phạm vào tội: Cướp tài sản; theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại, mà tài sản hợp pháp của người dân luôn được pháp luật bảo vệ tránh mọi sự xâm hại. Hành vi của các bị cáo gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, sau đây là vai trò của các bị cáo:

[2.1] Bị cáo Văn Thị M: Bị cáo là người giữ vai trò chính, đã khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác cùng đến nhà của bị hại để đòi tiền nợ hui. Khi bị hại nhận được tiền từ người khác nhưng không trả tiền cho bị cáo, bị cáo đã bức xúc và không kiềm chế nên có hành vi: ôm ngang người bị hại, nắm lấy tay bị hại để giằng lấy chìa khóa xe không cho bị hại bỏ đi, tại điều kiện để cho bị cáo Lê Thị Đ lấy tiền trong cốp xe của bị hại. Do đó, đối với bị cáo cần xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và ngăn ngừa phòng ngừa chung.

[2.2] Bị cáo Lê Thị Đ: Bị cáo là người giúp sức rất tích cực cho bị cáo M, bị cáo cùng các bị cáo khác ôm ngang người bị hại, nắm lấy tay bị hại để giằng lấy chìa khóa xe không cho bị hại bỏ đi. Bị cáo là người đã dùng tay đưa vào cốp xe của bị hại để lấy tiền, nên đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm.

[2.3] Bị cáo Lê Thị Thúy H, Lê Thị Mỹ M, Lê Thị Bích T: Các bị cáo thấy bị cáo M, bị cáo Đ thực hiện hành vi trái pháp luật nhưng không can ngăn, mà còn giúp sức tạo điều kiện cho bị cáo M lấy được tiền của bị hại, nên đối với các bị cáo cần xử lý nghiêm.

[3] Tuy nhiên, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn, không có sự phân chia nhiệm vụ, nhất thời phạm tội vì bức xúc trước thái độ và hành vi của người bị hại; người bị hại có đơn bãi nại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo và tại phiên tòa bị hại tha thiết xin cho các bị cáo được hưởng án treo; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự; riêng bị cáo Văn Thị M tự nguyện nộp lại số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) đã lấy của bị hại

và bị cáo H hiện đang mang thai 04 tháng, nên xem đây là tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[4] Do các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại Võ Hồng T trình bày đã nhận xong số tiền do bị cáo Màu bồi thường và không còn yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Võ Thị Hà X và Nguyễn Thị T không có yêu cầu gì đối với các bị cáo, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng:

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, vật chứng là tiền Việt Nam 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Đây là số tiền do bị cáo Văn Thị M tự nguyện nộp lại. Do bị hại Võ Hồng T đã nhận bồi thường xong, nên cần trả lại cho bị cáo số tiền trên.

[7] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đã xem xét đến các chứng cứ được đưa ra thẩm tra tại phiên tòa, đã đánh giá đúng hành vi, tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo. Về đề nghị mức hình phạt, đại diện Viện kiểm sát đã xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo. Do đó, chấp nhận một phần quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Văn Thị M, Lê Thị Đ, Lê Thị Bích T, Lê Thị Thúy H, Lê Thị Mỹ Mư phạm tội: Cướp tài sản.

1.1 Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Văn Thị M: 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 02 (hai) năm được tính từ ngày tuyên án 10/5/2021.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

1.2 Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Đ: 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 02 (hai) năm được tính từ ngày tuyên án 10/5/2021.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

1.3 Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Thúy H: 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng được tính từ ngày tuyên án 10/5/2021.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

1.4 Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Mỹ M: 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng được tính từ ngày tuyên án 10/5/2021.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

1.5 Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Bích T: 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 01 (một) năm được tính từ ngày tuyên án 10/5/2021.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

2. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Do bị hại Võ Hồng T đã nhận bồi thường xong và không yêu cầu gì thêm, nên không xem xét.

Bị cáo M được nhận lại số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Do Võ Thị Hà X và Nguyễn Thị T không có yêu cầu gì đối với các bị cáo, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Văn Thị M, Lê Thị Đ, Lê Thị Bích T, Lê Thị Thúy H, Lê Thị Mỹ M mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát huyện Vũng Liêm;
- Công an huyện Vũng Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo; bị hại;
- UBND xã T;
- UBND xã Q;

Triệu Quốc Hiếu

- Lưu hồ sơ vụ án.